

Bản án số: 71/2023/HSST

Ngày 27 - 6 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VINH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trọng

Thẩm phán: Ông Nguyễn Vĩnh Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phùng Đình Chúc.

Ông Nguyễn Quang Bằng.

Bà Đỗ Thị Kim Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:
Bà Kiều Thị Huệ, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 57/2023/TLST - HS ngày 11 tháng 5 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2023/HSST-QĐ ngày 07 tháng 6 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Đỗ Văn H, sinh ngày 21 tháng 11 năm 1990; nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; trình độ văn hóa: 11/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Thanh T1 và bà Nguyễn Thị L; có vợ là Nguyễn Thị Minh P và có 02 con; tiền sự: Không.

Tiền án: Tại Bản án số 51/2016/HSST ngày 13/4/2016, Tòa án nhân dân thành phố V xử phạt H 09 tháng tù về tội Đánh bạc, án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ, phạt sung công quỹ nhà nước 3.000.000đ. H kháng cáo; tại Bản án số 38/2016/HSPT ngày 14/7/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tuyên phạt H 07 tháng tù về tội Đánh bạc, không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Ngày 21/07/2016 H chấp hành xong hình phạt. Xác minh tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố V xác định, tháng 09/2016, H đã chấp hành xong khoản án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ và 10.000đ tiền phạt sung công quỹ nhà nước. Ngày

23/6/2022, Tòa án nhân dân thành phố V đã ra quyết định số 24 miễn nghĩa vụ thi hành án đối với khoản nộp ngân sách Nhà nước số tiền 2.990.000đ, tuy nhiên, bị cáo H thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 16/10/2021 nên chưa được xóa án tích.

- Nhân thân: Ngày 27/5/2008, H bị Công an huyện T1 xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh nhau, mức phạt 250.000đ. Kiểm tra quyết định xử phạt vi phạm hành chính không có ký nhận của H. Xác minh tại Công an huyện T1, không có hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính đối với H về hành vi trên, nên không xác định được H đã được giao nhận Quyết định xử phạt vi phạm hành chính chưa. Tính đến thời điểm H thực hiện hành vi phạm tội, đã hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Tại Bản án số 60/2009/ HSST ngày 18/5/2009, Tòa án nhân dân thành phố V xử phạt H 03 năm tù về tội “Cướp tài sản”. Đến ngày 30/8/2010 H chấp hành xong hình phạt. Chấp hành xong án phí 50.000đ vào ngày 02/07/2009.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/7/2022 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc, “có mặt”.

2. Phùng Văn H2, sinh ngày 01 tháng 9 năm 1995; nơi cư trú: Thôn L1, phường Đ1, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; trình độ văn hóa: 10/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Văn S và bà Phùng Thị T2; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/9/2022 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo H và H2: Bà Nguyễn Thị Kim Q - Luật sư Công ty Luật TNHH Y, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Phúc; địa chỉ: Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Phúc – Đường P, phường T4, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, “có mặt”.

- Bị hại:

+ Ông Lại Hồng T5, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Số 218 đường H3, phường T6, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.

+ Anh Nguyễn Tuấn V1, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số 38, đường H5, phường H4, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.

+ Anh Lương Văn H6, sinh năm 1995.

Hộ khẩu thường trú: Làng Mi, xã N1, huyện N2, tỉnh Nghệ An. Chỗ ở hiện nay: Ngách 80/1 đường X, phường P1, quận N3, thành phố Hà Nội, “vắng mặt”.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Đinh Tuấn A, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Số 10, phường N6, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.

+ Anh Lê Việt A1, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Tổ 3, phường Y1, thành phố Y, tỉnh Yên Bái, “vắng mặt”.

+ Anh Nguyễn Ngọc L2, sinh năm 1994.

Hộ khẩu thường trú: Thôn T8, xã T7, huyện M3, thành phố Hà Nội. Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố T9, thị trấn B4, huyện B3, tỉnh Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.

+ Bà Phùng Thị T10, sinh năm 1961.

Nơi cư trú: Thôn L, phường Đ1, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, “có mặt”.

+ Chị Phùng Thị T11, sinh năm 1992.

Nơi cư trú: Thôn L, phường Đ1, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, “có mặt”.

+ Bà Nguyễn Thị L4, sinh năm 1960.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đỗ Văn H và Phùng Văn H2 là bạn bè quen biết với nhau. Để có tiền tiêu xài cá nhân H, H2 đã nhiều lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng hình thức thuê xe ô tô tự lái rồi cầm cố xe để lấy tiền, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào ngày 16/10/2021, khi H2 và H ngồi uống nước tại cổng trường Đại học Công nghệ Giao thông Vận tải ở phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc thì H nảy sinh ý định đến cửa hàng cho thuê xe tự lái, nói dối là thuê xe làm phương tiện đi lại, rồi mang xe ô tô thuê được đi cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân, nhưng do không có bằng lái xe ô tô nên H bàn và thống nhất với H2, H2 đứng ra thuê xe ô tô (H2 có bằng lái xe ô tô), số tiền lấy được từ việc cầm cố xe, H sẽ chia cho H2, H2 đồng ý. Sau đó H, H2 cùng đi đến cửa hàng cho thuê xe ô tô tự lái của ông Lại Hồng T5, sinh năm: 1963 ở số 218, đường Hùng Vương, phường Tích Sơn, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Tại đây H2 đặt vấn đề thuê xe ô tô BKS: 88A – 189.85, loại xe Kia Morning màu trắng để làm phương tiện đi lại, ông T5 đồng ý và yêu cầu H2 đặt tiền cọc thuê xe nhưng H2, H đều không có tiền nên đã để lại 01 xe mô tô BKS: 88 K2 – 6219 loại xe Vespa Piaggio của H đang sử dụng thì ông T5 đồng ý. Sau đó ông T5 làm hợp đồng thuê xe ô tô BKS: 88A – 819.85 với giá là 500.000đ/01 ngày, thời hạn thuê từ ngày 16/10/2021 đến ngày 21/10/2021 và giao xe cho H2 cùng 01 giấy biên nhận giữ bản chính giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đang thế chấp số: 07062019 của phương tiện BKS: 88A – 189.85; 01 bản sao giấy chứng

nhận kiểm định An toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường; 01 Giấy chứng nhận Bảo hiểm bắt buộc TNDS thời hạn từ 28/01/2021 đến 28/01/2022 (bản gốc).

Ngay sau khi nhận xe, cùng ngày 16/10/2021, H2 điều khiển xe chở H đến nhà anh Đinh Tuấn A, sinh năm: 1992, địa chỉ: Số 10, phường N6, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. H2 nói dối anh Tuấn Anh ô tô BKS: 88A – 189.85 là xe của H2, H2 đang cần tiền nên muốn cầm cố vay 50.000.000đ thì anh Tuấn Anh đồng ý. Sau đó, H2 viết 01 “Giấy mượn tiền”, thể hiện H2 vay 50.000.000đ để lại xe ô tô trên làm tin, H2 đưa giấy này cho anh Tuấn Anh cầm. Tuấn Anh đưa cho H2 số tiền 50.000.000đ, trong đó: Giao 47.000.000đ tiền mặt và chuyển khoản 3.000.000đ vào số tài khoản 9367 238 883 thuộc Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) của H2. H2 cầm 47.000.000đ đưa cho H. Sau đó, H đã sử dụng 47.000.000đ và H2 đã sử dụng 3.000.000đ chi tiêu cá nhân hết.

Đến thời hạn, sau nhiều lần yêu cầu trả xe nhưng H2 không trả, ông T5 đã làm đơn trình báo cơ quan Công an.

Ngày 23/12/2021, anh Đinh Tuấn A giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an TP Vĩnh Yên 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA – MORNING, màu sơn trắng; BKS: 88A – 189.85; 01 giấy biên nhận giữ bản chính giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đang thế chấp số: 0507218 của phương tiện BKS: 88A – 189.85; 01 bản sao giấy chứng nhận kiểm định An toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường; 01 Giấy chứng nhận Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự, thời hạn từ 28/01/2021 đến 28/01/2022 (bản gốc); 01 Giấy phép lái xe hạng A1, mang tên Phùng Văn H2 (bản gốc); 01 Giấy mượn tiền đề ngày 16/10/2021, người viết đề tên Phùng Văn H2 (bản gốc).

- Ngày 28/12/2021, ông Lại Hồng T5 giao nộp 01 xe mô tô BKS: 88K2 – 6219 loại xe PIAGIO, màu xanh, xe đã cũ, đã qua sử dụng; 01 đăng ký xe mô tô BKS: 88K2 – 6219 đăng ký mang tên Nguyễn Thị Hương (bản gốc), địa chỉ: KHC 17, phường Liên Bảo, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; 01 hợp đồng cho thuê xe ô tô BKS: 88A – 189.85 đứng tên bên thuê xe là Phùng Văn H2, bên cho thuê là Lại Hồng T5, đề ngày 16/10/2021 (bản chính). Ông T5 trình bày xe mô tô và đăng ký xe là của Đỗ Văn H đặt làm tin để thuê xe ô tô của ông.

- Ngày 30/12/2021, H2 giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 giấy vay tiền đề ngày 16/10/2021 đứng tên người mượn xe là Đỗ Văn H.

- Ngày 27/12/2021, Cơ quan CSĐT Công an thành phố V ra yêu cầu định giá tài sản số 05 gửi đến Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố V, yêu cầu định giá 01 xe ô tô BKS: 88A – 189.85 nhãn hiệu KIA MORNING sản xuất năm 2018. Ngày 28/12/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố V ra Bản kết luận định giá tài sản số 220/KL-

HĐĐG, kết luận: Xe ô tô BKS: 88A – 189.85 nhãn hiệu KIA MORNING sản xuất năm 2018 màu trắng trị giá **210.000.000đ**.

- **Vụ thứ hai:** Ngày 19/10/2021, do cần tiền chi tiêu, H tiếp tục nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng hình thức thuê xe tự lái rồi mang đi cầm cố lấy tiền tiêu sài cá nhân. H đã gọi điện hẹn gặp H2 tại cổng trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải ở phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Tại đây H rủ H2 đến cửa hàng thuê xe rồi mang đi cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân, H2 đồng ý. H2 điều khiển xe mô tô BKS: 14B1 – 319.86, loại xe Yamaha Sirius chở H đến cửa hàng cho thuê xe ô tô tự lái của anh **Nguyễn Tuấn V1**, sinh năm 1989; địa chỉ: Số 38, đường H5, phường H4, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Tại đây, H2 và anh Việt thống nhất làm hợp đồng cho H2 thuê xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, BKS: 88A – 150.42; H2 để lại chiếc xe mô tô BKS: 14B1 – 319.86, loại xe Yamaha Sirius đang sử dụng là tài sản đặt cọc và thỏa thuận trả trước số tiền thuê xe là 5.000.000đ; Thời hạn thuê xe là từ ngày 19/10/2021 đến ngày 22/10/2021, giá thuê xe là 800.000đ/01 ngày; anh Việt giao xe cho H2 (không giao giấy tờ xe gì).

Sau khi thuê được xe H gọi điện thoại cho Nguyễn Văn Phục, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn Rừng, xã Thanh Trù, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; H nói dối chiếc xe ô tô BKS: 88A – 150.42 là tài sản của H và nhờ Phục tìm chỗ để cầm xe, vay tiền nên anh Phục liên hệ với anh **Lê Việt A1** sinh năm: 1979, Địa chỉ: phường Y1, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Sau đó H2 điều khiển xe ô tô BKS: 88A – 150.42 chở H đến đón Phục tại nhà nghỉ Phương Thảo ở xã Quất Lưu, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc và cùng nhau đi đến Quảng Trường thành phố Yên Bái gặp anh Lê Việt A1. Tại đây, H nói dối chiếc xe ô tô BKS: 88A – 150.42 là tài sản của H và đặt vấn đề anh Việt Anh cho H để lại chiếc xe ô tô BKS: 88A – 150.42 để vay 50.000.000đ, anh Việt Anh đồng ý. Anh Việt Anh đã yêu cầu H viết giấy vay số tiền 50.000.000đ, H đồng ý viết và để lại xe ô tô BKS: 88A – 150.42 để làm tin. Sau đó H đưa giấy vay tiền cho anh Việt Anh cầm và nhận của Việt Anh 50.000.000đ. Sau đó H, Phục, H2 đi về. Trên đường đi về H đưa cho H2 5.000.000đ còn lại 45.000.000đ H cầm. Quá trình đi cầm xe, H, H2 không cho Phục biết việc thuê xe tự lái như nêu trên và không cho Phục tiền gì. Sau đó H, H2 và Phục đi taxi về Vĩnh Phúc. H và H2 đã sử dụng số tiền trên chi tiêu cá nhân hết.

Đến thời hạn trả xe, sau nhiều lần yêu cầu trả xe nhưng H2 không trả, anh **Nguyễn Tuấn V1** đã làm đơn trình báo cơ quan Công an.

Ngày 30/12/2021, anh Nguyễn Tuấn V1 giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 đăng ký xe ô tô BKS: 88A – 150.42 (Bản phô tô), 01 hợp đồng cho thuê xe ô tô tự lái đề ngày 19/10/2021 giữa anh Việt và Phùng Văn H2 (bản gốc). Ngày 31/12/2021, anh Lê Việt A1 giao nộp 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios màu nâu

vàng, BKS: 88A-150.42. Ngày 12/01/2022, anh Lê Việt A1 giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 giấy vay tiền đứng tên người vay là Đỗ Văn H đề ngày 19/10/2021 (bản gốc). Ngày 24/01/2022, anh Nguyễn Tuấn V1 giao nộp 01 xe mô tô BKS: 14B1 – 319.86 loại xe Yamaha Sirius màu trắng, không xác định được số khung, số máy, xe đã cũ, đã qua sử dụng. Anh Việt trình bày đây là xe mô tô do Phùng Văn H2 đặt làm tin để thuê xe ô tô của anh Việt vào ngày 19/10/2021, khi nhận xe anh Việt không kiểm tra số khung, số máy của xe. Ngày 23/9/2022, Cơ quan CSĐT Công an thành phố V tạm giữ của H2 01 căn cước công dân số 026095001155, 01 hộ cH số C9701894 mang tên Phùng Văn H2.

Ngày 03/01/2022, Cơ quan CSĐT Công an thành phố V ra yêu cầu định giá tài sản số 15 gửi đến Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố V, yêu cầu định giá 01 xe ô tô BKS: 88A – 150.42 nhãn hiệu Toyota Vios sản xuất năm 2017 màu nâu vàng. Ngày 07/01/2022, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố V ra Bản kết luận định giá tài sản số 05/KL-HĐĐG, kết luận: *Xe ô tô BKS: 88A – 150.42 nhãn hiệu Toyota Vios sản xuất năm 2017 màu nâu vàng trị giá **400.000.000đ**.*

- **Vụ thứ 3:** Chiều ngày 19/05/2022, Đỗ Văn H gọi điện thoại hỏi nhờ anh Lương Văn H6, địa chỉ Ngách 80/1 đường X, phường P1, quận N3, Thành phố Hà Nội là bạn quen biết từ trước, cho H ở nhờ tại phòng trọ vài ngày thì anh Hào đồng ý. Khoảng 17h20 cùng ngày, H từ Vĩnh Phúc đến Bến xe khách Mỹ Đình, Thành phố Hà Nội. Sau đó anh Hào đón H về phòng trọ. Về đến phòng trọ, H nhìn trong phòng thấy có xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA NVX màu đen (thời điểm này chiếc xe trên không có biển kiểm soát là do đang làm thủ tục sang tên cho chị Lương Thị Tráng là chị gái anh Hào tại Công an huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An, quá trình điều tra anh Hào đã giao nộp BKS của xe) nên H nảy sinh ý định lừa anh Hào để chiếm đoạt chiếc xe trên, đem cầm cố lấy tiền tiêu sài. H hỏi mượn xe và nói dối là đi ra cây ATM rút tiền, anh Hào tin tưởng giao xe cho H. Sau đó H điều khiển xe từ Hà Nội đến địa phận huyện Bình Xuyên thì dừng lại, mở cốp xe kiểm tra thấy bên trong cốp có số tiền 1.900.000đ, H lấy luôn số tiền trên. Sau đó tiếp tục điều khiển xe đến gặp Nguyễn Ngọc L2, ở Thôn T8, xã T7, huyện M3, Thành phố Hà Nội là chủ quán cầm đồ “Linh Ken” ở Tổ dân phố T9, thị trấn B4, huyện B3, tỉnh Vĩnh Phúc.

H nói với anh **Linh** là xe mô tô YAMAHA NVX của H mới mua của người khác, đang chờ sang tên đổi chủ nên chưa có biển kiểm soát và bảo Linh cho để lại xe làm tin để **vay 17.000.000đ**. Anh Linh tin tưởng nên đã đồng ý cho H vay tiền. Quá trình thỏa thuận giữa H và Linh không làm giấy tờ gì mà chỉ thỏa thuận miệng với nhau. Sau đó H để lại xe cho Linh và nhận 17.000.000đ. Tổng số tiền H đã chiếm đoạt được là 18.900.000, H đã sử dụng tiêu xài cá nhân

hết. Sau nhiều lần đòi xe H không trả, anh Hào đã trình báo sự việc đến cơ quan công an.

- Ngày 01/6/2022, Cơ quan CSĐT Công an quận Nam Từ Liêm ra Yêu cầu định giá tài sản số 185, gửi đến Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận Nam Từ Liêm, yêu cầu định giá chiếc xe máy YAMAHA NVX BKS: 36B5 - 687.46; số máy E3Y6E001219; số khung D310HY001216. Trên cơ sở hồ sơ, tài liệu, ngày 13/6/2022, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận Nam Từ Liêm kết luận trị giá chiếc xe là 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng).

Tại bản Cáo trạng số: 61/CT-VKS-P1 ngày 09 tháng 5 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc truy tố Đỗ Văn H và Phùng Văn H2 về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố như cáo trạng đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Văn H từ 12 năm đến 12 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 27/7/2022.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phùng Văn H2 từ 10 năm đến 10 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 23/9/2022.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng.

Về xử lý vật chứng áp dụng khoản 1, 2 Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị:

- Trả lại cho ông Lại Hồng T5 01 giấy biên nhận giữ bản chính giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đang thế chấp số 07062019 của phương tiện BKS: 88A – 189.85. Trả lại cho Phùng Văn H2 01 Giấy phép lái xe hạng A1, 01 căn cước công dân số 026095001155 và 01 hộ cH số C9701894 mang tên Phùng Văn H2.

- Tịch thu bán sung công quỹ nhà nước 01 xe mô tô BKS: 88K2 – 6219 loại xe PIAGIO, màu xanh và 01 đăng ký xe mô tô BKS: 88K2 – 6219 mang tên Nguyễn Thị Hương (bản chính) là phương tiện phạm tội.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Phùng Văn H2 phải trả cho anh Đinh Tuấn A số tiền 3.000.000đ và trả cho anh Lê Việt A1 số tiền 5.000.000đ.

Buộc bị cáo H phải trả cho: Anh Đinh Tuấn A số tiền 47.000.000đ, anh Lê Việt A1 số tiền 45.000.000đ, anh Nguyễn Ngọc L2 số tiền 17.000.000đ.

Ý kiến của những người tham gia tố tụng:

- Người bào chữa cho các bị cáo trình bày quan điểm bào chữa cho bị cáo, cho rằng quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, sau khi xảy ra sự việc các bị cáo đã tích cực tác động để gia đình các bị cáo khắc phục toàn bộ thiệt hại; ngoài ra bị cáo H2 trước khi phạm tội có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nhất là bị cáo H2.

- Bị hại ông Lại Hồng T5, anh Nguyễn Tuấn V1 và anh Lương Văn H6 vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên quá trình điều tra trình bày các nội dung phù hợp với nội dung trình bày của các bị cáo, phù hợp các tài liệu có trong hồ sơ, anh Tuấn, anh Việt và anh Hào đã nhận lại tài sản, tiền và không có yêu cầu gì khác.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Đinh Tuấn A, anh Lê Việt A1 và anh Nguyễn Ngọc L2 vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên quá trình điều tra trình bày các nội dung phù hợp với nội dung trình bày của các bị cáo, phù hợp các tài liệu có trong hồ sơ. Anh Đinh Tuấn A yêu cầu H2, H phải trả lại cho anh số tiền 50.000.000đ; anh Lê Việt A1 yêu cầu H, H2 phải trả lại số tiền 50.000.000đ đã vay; anh Nguyễn Ngọc L2 yêu cầu H phải trả số tiền 17.000.000đ.

Tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phùng Thị T10, chị Phùng Thị T11 và bà Nguyễn Thị L4 trình bày các nội dung phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ. Đối với số tiền các bà, chị nộp tại cơ quan điều tra và tại Cục Thi hành án tỉnh Vĩnh Phúc, để khắc phục H2 quả thay cho các bị cáo. Các bà, chị không có đề nghị gì và không yêu cầu các bị cáo trả lại.

Tại phiên tòa các bị cáo nói lời sau cùng, do nhận thức pháp luật hạn chế đã vi phạm pháp luật nên rất ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại và người liên quan không ai có ý kiến hoặc KH nại gì về hành vi,

quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các quyết định, hành vi của người tiến hành tố tụng trong vụ án là hợp pháp.

[2]. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc. Các bị cáo khai nhận:

Trong khoảng thời gian từ ngày 16/10/2021 đến ngày 19/10/2021, do không có tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo Đỗ Văn H và bị cáo Phùng Văn H2 đã 2 lần thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản là 2 xe ô tô, với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 610.000.000 đồng. Ngoài ra ngày 19/5/2022, bị cáo H thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là 1 chiếc xe mô tô giá trị 22.000.000đ, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Ngày 16/10/2021, Phùng Văn H2 và Đỗ Văn H bàn bạc, thống nhất thuê xe ô tô Kia Morning, có BKS: 88A – 189.85 của ông Lại Hồng T5, mục đích để đem bán hoặc cầm cố lấy tiền chi tiêu cá nhân nhưng nói dối là thuê xe để làm phương tiện đi lại. Sau khi ông T5 giao xe, H2 và H đem cầm cố chiếc xe ô tô trên cho anh Đinh Tuấn A lấy số tiền 50.000.000 đồng, trong đó H cầm và sử dụng chi tiêu cá nhân số tiền 47.000.000đ, H2 cầm và sử dụng chi tiêu cá nhân số tiền 3.000.000đ. Kết luận định giá chiếc xe ô tô Kia Morning BKS: 88A – 189.85 trị giá 210.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Ngày 19/10/2021, bị cáo Đỗ Văn H và bị cáo Phùng Văn H2 bàn bạc, thống nhất thuê xe ô tô TOYOTA VIOS, có BKS: 88A – 150.42 của anh Nguyễn Tuấn V1, mục đích đem cầm cố lấy tiền chi tiêu cá nhân, nhưng nói dối là thuê để làm phương tiện đi lại. Sau khi anh Việt giao xe, H2 và H đem cầm cố chiếc xe ô tô trên cho anh Lê Việt A1 lấy số tiền 50.000.000 đồng, trong đó H cầm và sử dụng chi tiêu cá nhân số tiền 45.000.000đ, H2 cầm và sử dụng chi tiêu cá nhân số tiền 5.000.000đ). Kết luận định giá chiếc xe TOYOTA VIOS trị giá 400.000.000 đồng.

Vụ thứ ba: Ngày 19/5/2022, Đỗ Văn H mượn xe mô tô YAMAHA NVX màu đen biển kiểm soát 36B5 – 687.46 của anh Lương Văn H6, mục đích để đem bán lấy tiền chi tiêu cá nhân nhưng H nói dối là mượn xe để đi rút tiền. Sau khi anh Hào giao xe, H đem cầm cố chiếc xe mô tô trên cho anh Nguyễn Ngọc L2 lấy số tiền 17.000.000 đồng và sử dụng cá nhân hết, kết luận định giá chiếc xe trị giá **22.000.000 đồng**.

Như vậy, bằng thủ đoạn gian dối, H đã 03 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là số tiền **633.900.000 đồng**, H2 đã 02 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là số tiền **610.000.000 đồng**.

[3]. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo là phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ như lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù

hợp với lời khai của các bị hại, người liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án đã tranh tụng tại phiên tòa. Do đó có đủ căn cứ để kết luận hành vi của bị cáo Đỗ Văn H và bị cáo Phùng Văn H2 đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự, có khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân.

[4]. Xét tính chất vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Trong vụ án này bị cáo H là người khởi sự và nảy sinh ý định đến cửa hàng cho thuê xe tự lái, nói dối là thuê xe làm phương tiện đi lại, rồi mang xe ô tô thuê được đi cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân, rồi rủ rê H2 thực hiện. Nên bị cáo H giữ vai trò chính trong vụ án. Bị cáo H2 nghe theo bị cáo H, 02 lần thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản giữ vai trò đồng phạm.

[5]. Xét nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo, thấy rằng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; bản thân các bị cáo đã tác động đến gia đình để khắc phục H2 quả nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ông Lại Hồng T5 và anh Nguyễn Tuấn V1 là bị hại có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với H2; ông nội H2 là ông Phùng Văn Tĩnh – là liệt sỹ, nên bị cáo H2 được hưởng thêm 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Anh Đinh Tuấn A – là người liên quan có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo H, nên bị cáo H được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo H 3 lần thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, bị cáo H2 2 lần thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nên các bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Phạm tội 2 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo H còn có 1 tiền án về tội “Đánh bạc”, nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Tái phạm”, quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự

[5.1]. Bị cáo H trước khi phạm tội là người có nhân thân xấu, có 01 tiền án về tội “Đánh bạc” chưa được xóa, ngoài ra năm 2009 bị Tòa án nhân dân thành phố V xử phạt 03 năm tù về tội Cướp tài sản; năm 2008 bị Công an huyện T1 xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh nhau. Mặc dù đã bị xét xử nhiều lần và bị xử phạt hành chính nhưng bị cáo H không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân mà tiếp tục 03 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, với số tiền rất lớn nhằm mục đích tiêu sài cá nhân. Hành vi phạm tội của bị

cáo thể hiện sự liều lĩnh, coi thường pháp luật, ham muốn kiếm tiền bất chính, gây bất bình trong nhân dân. Vì vậy, cần thiết phải xử lý thật nghiêm đối với bị cáo H, áp dụng hình phạt tù có thời hạn tại Trại giam, với mức án như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5.2]. Bị cáo H2 do không chịu tu dưỡng, rèn luyện bản thân, nghe theo lời rủ rê của bị cáo H mà 02 thực lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, với số tiền rất lớn nhằm mục đích tiêu sài cá nhân. Vì vậy, cũng cần thiết phải xử lý nghiêm đối với bị cáo H2, áp dụng hình phạt tù có thời hạn tại Trại giam.

Tuy nhiên, trong vụ án này bị cáo H2 phạm tội với vai trò là đồng phạm, nghe theo lời rủ rê của bị cáo H dẫn đến phạm tội; hai lần cầm cố tài sản chiếm đoạt được 100.000.000đ, bị cáo H2 chỉ được sử dụng một phần nhỏ (8.000.000đ), còn bị cáo H sử dụng phần lớn (92.000.000đ). Bị cáo H2 trước khi phạm tội có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, sau khi phạm tội đã tích cực tác động để gia đình bồi thường khắc phục toàn bộ H2 quả. Do đó, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nhằm tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, sớm trở thành công dân có ích cho xã hội. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về hình phạt là phù hợp, được chấp nhận.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo H2 và bị cáo H là các đối tượng không có nghề nghiệp và không có tài sản vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật Hình sự

[7]. Về xử lý vật chứng:

[7.1]. Đối với 01 giấy biên nhận giữ bản chính giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đang thế chấp số: 07062019 của phương tiện BKS: 88A – 189.85 là giấy tờ hợp pháp gắn với xe ô tô BKS 88A-189.85 của ông Lại Hồng T5 cần trả lại cho ông T5. Đối với 01 Giấy phép lái xe hạng A1, mang tên Phùng Văn H2 cần trả lại cho H2.

- Đối với 01 bản sao giấy chứng nhận kiểm định An toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường; 01 Giấy chứng nhận Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự có thời hạn từ 28/01/2021 đến 28/01/2022; 01 Giấy mượn tiền; 01 hợp đồng cho thuê xe ô tô BKS: 88A – 189.85; 01 giấy vay tiền. Các tài liệu trên đều là tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của H và H2, được chuyển theo và hồ sơ vụ án.

- Đối với xe ô tô BKS: 88A – 189.85 là tài sản hợp pháp của ông Lại Hồng T5. Ngày 07/01/2022, Cơ quan CSĐT Công an thành phố V ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông T5 chiếc xe ô tô trên là phù hợp.

[7.2]. Đối với 01 đăng ký xe ô tô BKS: 88A – 150.42 (Bản phô tô), 01 hợp đồng cho thuê xe ô tô tự lái đề ngày 19/10/2021 giữa anh Việt và H2 (bản chính); 01 giấy vay tiền đứng tên người vay là Đỗ Văn H đề ngày 19/10/2021 (bản chính). Đây là các tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của H và H2, được chuyển theo và lưu hồ sơ vụ án.

Đối với 01 căn cước công dân số 026095001155, 01 hộ cH số C9701894 mang tên Phùng Văn H2 không liên quan đến vụ án cần trả lại cho H2.

Đối với xe ô tô BKS: 88A – 150.42 nhãn hiệu Toyota Vios sản xuất năm 2017 màu nâu vàng, là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Tuấn V1 (anh Việt được bố vợ là ông Lê Anh Đào ủy quyền quản lý chiếc xe trên). Ngày 07/01/2022, Cơ quan CSĐT Công an thành phố V ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh Việt chiếc xe ô tô trên là phù hợp.

[7.3]. Đối với xe mô tô BKS: 14B1 – 319.86 loại xe Yamaha Sirius, Số khung: RLCS5C6408Y089535, số máy: 5C64-089535 là xe H2 để lại để thuê xe ô tô của anh Nguyễn Tuấn V1. Ngày 29/12/2022, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Vĩnh Phúc ra Quyết định trưng cầu giám định số 586, Trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định Kỹ thuật đối với 01 xe mô tô BKS: 14B1 – 319.86, loại xe YAMAHA, SIRIUS màu trắng, xe cũ, đã qua sử dụng. Ngày 06/01/2023, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc có Kết luận giám định số 63/KL-KTHS, kết luận: Số khung, số máy của chiếc xe mô tô gửi giám định đã bị tẩy xóa bằng phương pháp cơ học, qua giám định xác định số nguyên thủy là: Số máy: 5C64-089535. Số khung: RLCS5C6408Y089535.

Tiến hành tra cứu thông tin phương tiện giao thông cơ giới đường bộ xác định xe mô tô có BKS: 14B1 – 319.86 có số máy: 5C64713935, số khung: RLCS5 C640CY713943, đăng ký mang tên Lê Anh Tuấn, sinh năm 1984, địa chỉ: Tổ 5, khu 6, Hồng Hà, Hạ Long, Quảng Ninh. Quá trình điều tra xác định năm 2017 anh Tuấn mua thanh lý xe mô tô BKS: 14B1 – 319.86 của Công an tỉnh Quảng Ninh. Sau đó đã làm thủ tục đăng ký lại mang tên anh Lê Anh Tuấn. Đến năm 2019 anh Tuấn bán lại cho một người không quen biết.

Tra cứu thông tin phương tiện giao thông cơ giới đường bộ xác định xe mô tô có số khung: RLCS5C6408Y089535, số máy: 5C64-089535 là của xe mô tô có BKS: 16P1 – 0167, đăng ký mang tên Bùi Văn Trường, địa chỉ: Sáu Phiên, An Lư, Thủy Nguyên, Hải Phòng. Quá trình điều tra xác định tháng 10/2008, anh Bùi Văn Trường mua mới xe mô tô BKS: 16P1 – 0167 nhãn hiệu YAMAHA, số máy: 5C64-089535, số khung: RLCS5C6408 Y089535 với giá 19.000.000đ, đăng ký chính chủ. Đến năm 2011 anh Trường bán lại cho một người đàn ông không quen biết tại Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Kết quả tra cứu thông tin về xe có số khung, số máy và biển kiểm soát nêu trên không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng.

Quá trình điều tra anh Phùng Văn Tiến, sinh năm 1994; địa chỉ: Tổ dân phố Lạc Ý 3, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc khai nhận: Khi anh Tiến đi làm tại tỉnh Quảng Ninh đã mua chiếc xe BKS 14B1-319.86 (khi mua anh Tiến không kiểm tra số khung, số máy) tại 01 cửa hàng mua bán xe mô tô cũ ở thành phố Hạ Long (không nhớ được tên, địa chỉ cụ thể của cửa hàng) với giá 8.500.000đ. Sau đó anh Tiến đã làm mất đăng ký xe nên đến tháng 9/2021, anh Tiến bán lại cho Phùng Văn H2 với giá 2.500.000đ. Kết quả điều tra xác minh chưa làm rõ được nguồn gốc xe mô tô trên, do vậy Cơ quan CSĐT tiếp tục tạm giữ, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

[7.4]. Đối với xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA NVX, BKS: 36B5 – 687.46, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của chị Lương Thị Tráng (chị gái anh Lương Văn H6). Do chị Tráng bị bệnh không làm việc được với cơ quan điều tra nên đã ủy quyền cho em trai là Hào toàn quyền giải quyết vụ việc. Ngày 30/9/2022, Cơ quan CSĐT Công an quận Nam Từ Liêm đã trả lại cho anh Hào chiếc xe mô tô trên. Sau khi nhận lại tài sản, anh Hào không yêu cầu H phải bồi thường về dân sự, do vậy không xét.

[8]. Về trách nhiệm dân sự:

[8.1]. Quá trình điều tra ông Lại Hồng T5 yêu cầu H2 phải trả số tiền thuê xe từ ngày 16/10/2021 đến ngày 7/01/2022 (500.000đ/1 ngày) là 83 ngày x 500.000đ = 41.500.000đ. Ngày 10/02/2022, ông T5 xác nhận đã được bà Phùng Thị T10 (mẹ bị cáo H2), đại diện gia đình bị cáo H2 đã thanh toán số tiền 38.000.000đ. Nhận được 38.000.000đ, ông T5 không có ý kiến gì khác và không yêu cầu H2 phải thanh toán thêm khoản tiền nào khác nên không xét.

[8.2]. Anh Nguyễn Tuấn V1 yêu cầu H2 phải bồi thường số tiền thuê xe từ ngày 19/10/2021 đến ngày 07/01/2022 (800.000đ/1 ngày) là 80 ngày x 800.000đ = 64.000.000đ và chi phí đi lại hết 5.000.000đ, tổng là 69.000.000đ. Ngày 16/11/2022 và ngày 10/02/2023 bà Phùng Thị T10 (mẹ H2), đại diện gia đình bị cáo H2 đã bồi thường thiệt hại cho anh Việt tổng số tiền là 61.000.000đ. Anh Việt xác nhận đã nhận đủ 61.000.000đ từ gia đình H2 và cộng với 5.000.000đ tiền cọc, tổng anh Việt đã nhận là 66.000.000đ. Hiện anh Việt không yêu cầu bồi thường gì khác nên không xét.

[8.4]. Anh Đinh Tuấn A yêu cầu H2 phải trả số tiền 50.000.000đ. Quá trình điều tra xác định sau khi lấy được tiền của anh Tuấn Anh thì H2 đã đưa cho H 47.000.000đ, còn H2 cầm 3.000.000đ. Do đó cần buộc bị cáo H phải trả cho anh Tuấn Anh số tiền 47.000.000đ; bị cáo H2 phải trả cho anh Tuấn Anh số tiền 3.000.000đ

Anh Lê Việt A1 – người cho H cầm cố xe ô tô BKS: 88A – 150.42 vay số tiền 50.000.000đ, yêu cầu H, H2 phải trả lại số tiền đã vay. Quá trình điều tra xác định sau khi vay được tiền của anh Lê Việt A1 thì H đã đưa cho H2

5.000.000đ, H cầm 45.000.000đ. Do đó cần buộc bị cáo H phải trả cho anh Việt Anh số tiền 45.000.000đ; bị cáo H2 phải trả cho anh Việt Anh số tiền 5.000.000đ

Anh Nguyễn Ngọc L2 yêu cầu H phải trả số tiền 17.000.000đ, nên buộc bị cáo H phải trả cho anh Linh số tiền 17.000.000đ.

Ngày 10/3/2023, chị Phùng Thị T11 là chị của bị cáo Phùng Văn H2 đã giao nộp 8.000.000đ tại cơ quan điều tra để khắc phục H2 quả thay cho bị cáo H2; chị Tú đề nghị trả lại cho Đinh Tuấn A 3.000.000đ và anh Lê Việt A1 5.000.000đ.

Ngày 16/3/2023 bà Nguyễn Thị L4 (mẹ đẻ H) đã nộp số tiền là 20.000.000đ tại Cơ quan điều tra (số tiền này đã chuyển sang Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Vĩnh Phúc ngày 10/5/2023); trong các ngày 31/3/2023, 05/4/2023 và 18/4/2023 bà Nguyễn Thị L4 (mẹ đẻ H) đã nộp tổng số tiền là 89.000.000đ tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Vĩnh Phúc theo các biên lai thu số 0004245, 0004255 và 0004261, để khắc phục H2 quả thay cho H.

Đại diện gia đình các bị cáo đã nộp đủ số tiền trên tại cơ quan điều tra và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc để khắc phục toàn bộ H2 quả thay cho bị cáo H và bị cáo H2, nên sau khi bản án có hiệu lực anh Đinh Tuấn A, Lê Việt A1 và anh Nguyễn Ngọc L2 có quyền liên hệ đến Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc để được nhận số tiền trên.

[9]. Đối với anh Nguyễn Ngọc L2, quá trình điều tra xác định khi H để lại xe để vay tiền, anh Linh không biết là tài sản do H phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh Linh là phù hợp. Đối với anh Tuấn Anh và Việt Anh, quá trình điều tra xác định, thời điểm các bị cáo chiếm đoạt tiền của anh Tuấn và Việt thông qua hình thức cầm cố xe ô, anh Tuấn Anh và Việt Anh không biết việc các bị cáo lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

[10]. Về án phí: Buộc bị cáo Đỗ Văn H và bị cáo Phùng Văn H2 phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn H và bị cáo Phùng Văn H2 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về hình phạt chính:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn H 12 (Mười hai) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 27/7/2022.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phùng Văn H2 10 (Mười) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 23/9/2022.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Trả lại cho ông Lại Hồng T5 01 giấy biên nhận giữ bản chính giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đang thế chấp số: 07062019 của phương tiện BKS: 88A – 189.85.

- Trả lại cho Phùng Văn H2: 01 Giấy phép lái xe hạng A1, 01 căn cước công dân số 026095001155 và 01 hộ cH số C9701894 mang tên Phùng Văn H2

- Tịch thu bán sung công quỹ nhà nước 01 xe mô tô BKS: 88K2 – 6219 loại xe PIAGIO, màu xanh và 01 đăng ký xe mô tô BKS: 88K2 – 6219 mang tên Nguyễn Thị Hương (bản chính) là phương tiện phạm tội.

Vật chứng có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng do Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Vĩnh Phúc và Công an tỉnh Vĩnh Phúc lập ngày 10/5/2023.

Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc bị cáo Phùng Văn H2 phải trả cho anh Đinh Tuấn A số tiền 3.000.000đ và trả cho anh Lê Việt A1 số tiền 5.000.000đ. Xác nhận ngày 10/3/2023, chị Phùng Thị T11 là chị gái của bị cáo H2 đã nộp tại Cơ quan điều tra số tiền 8.000.000đ để khắc phục H2 quả thay cho H2 (số tiền này đã chuyển sang Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Vĩnh Phúc ngày 10/5/2023).

- Buộc bị cáo Đỗ Văn H phải trả cho: Anh Đinh Tuấn A số tiền 47.000.000đ, anh Lê Việt A1 số tiền 45.000.000đ và anh Nguyễn Ngọc L2 số tiền 17.000.000đ. Xác nhận ngày 16/3/2023 bà Nguyễn Thị L4 (mẹ đẻ H) đã nộp số tiền là 20.000.000đ tại Cơ quan điều tra (số tiền này đã chuyển sang Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Vĩnh Phúc ngày 10/5/2023); trong các ngày 31/3/2023, 05/4/2023 và 18/4/2023 bà Nguyễn Thị L4 (mẹ đẻ H) đã nộp tổng số tiền là 89.000.000đ tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Vĩnh Phúc theo các biên lai thu số 0004245, 0004255 và 0004261, để khắc phục H2 quả thay cho H.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc Đỗ Văn H và Phùng Văn H2, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Vĩnh phúc;
- Phòng Hồ sơ - CA tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- THA hình sự;
- Người bào chữa;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, Phòng HC-TP, Tòa Hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Xuân Trọng